

TỈNH ỦY THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

*

Thái Nguyên, ngày 02 tháng 10 năm 2021

ĐIỂM THI

PHẦN IV: ĐƯỜNG LỐI, CHÍNH SÁCH CỦA ĐẢNG, NHÀ NƯỚC VIỆT NAM VỀ
CÁC LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG XÃ HỘI

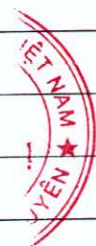
LỚP TCLLCT-HC HỆ TẬP TRUNG KHÓA 2, TẠI TRƯỜNG QUÂN SỰ QUÂN KHU I

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm	Bằng chữ	Ghi chú
1	Nguyễn Văn An	01	19	6,5	Sáu rưỡi	
2	Vi Hà Bắc	02	24	7,5	Bảy rưỡi	
3	Hoàng Văn Bắc	03	30	7,0	Bảy	
4	Đông Xuân Bách	04	57	7,0	Bảy	
5	Nguyễn Văn Bình	05	09	7,5	Bảy rưỡi	
6	Nguyễn Minh Châu	01-A	66	7,5	Bảy rưỡi	
7	Đặng Văn Chính	06	23	6,5	Sáu rưỡi	
8	Hoàng Đình Chinh	07	43	7,0	Bảy	
9	Đặng Sĩ Chung	08	50	7,0	Bảy	
10	Triệu Xu Cơ	09	40	7,5	Bảy rưỡi	
11	Trương Đức Cường	10	22	7,0	Bảy	
12	Bàn Ngọc Cương	11	36	7,5	Bảy rưỡi	
13	Lý Văn Cường	12	34	7,0	Bảy	
14	Nội Viết Đạt	13	58	7,5	Bảy rưỡi	
15	Trần Quang Tiến Đạt	14	06	7,0	Bảy	
16	Hoàng Văn Dậu	02-A	67	7,5	Bảy rưỡi	
17	Triệu Tồn Diệu	15	13	6,5	Sáu rưỡi	
18	Hoàng Trường Đoan	16	03	7,0	Bảy	
19	Đinh Ngọc Đoàn	17	46	7,0	Bảy	
20	Đỗ Tiến Dương	18	05	7,5	Bảy rưỡi	
21	Trần Văn Dương	19	26	7,5	Bảy rưỡi	
22	Hoàng Đức Giang	20	01	6,5	Sáu rưỡi	



STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm	Bằng chữ	Ghi chú
23	Tổng Duy Hải	21	49	7,0	Bảy	
24	Trần Vũ Ngọc Hải	22	37	7,0	Bảy	
25	Vi Văn Hiệp	23	44	7,0	Bảy	
26	Vy Mạnh Hiếu	24	47	6,5	Sáu rưỡi	
27	Hoàng Văn Hùng	03-A	68	6,5	Sáu rưỡi	
28	Lăng Văn Hường	25	35	7,0	Bảy	
29	Triệu Văn Huy	26	42	7,0	Bảy	
30	Lý Quang Huy	04-A	69	6,5	Sáu rưỡi	
31	Nguyễn Đình Huynh	27	02	7,5	Bảy rưỡi	
32	Triệu Quốc Khánh	28	32	7,5	Bảy rưỡi	
33	Hoàng Văn Khánh	29	10	8,0	Tám	
34	Lâm Văn Khiêm	05-A	70	7,0	Bảy	
35	Hoàng Văn Khoa	30	14	8,0	Tám	
36	Lâm Văn Khoa	31	38	7,0	Bảy	
37	Trịnh Viết Lãm	32	45	8,0	Tám	
38	Bế Quang Linh	33	55	6,5	Sáu rưỡi	
39	Nông Đặng Linh	34	17	7,5	Bảy rưỡi	
40	Đặng Văn Lợi	06-A	71	7,0	Bảy	
41	Lý Văn Luân	07-A	61	8,0	Tám	
42	Giàng A Lỏ	35	60	7,0	Bảy	
43	Lương Minh Mẫn	36	18	7,0	Bảy	
44	Đặng Hoàng Mạnh	37	39	7,0	Bảy	
45	Nông Công Mạnh	08-A	62	6,5	Sáu rưỡi	
46	Vũ Giang Nam	38	16	7,0	Bảy	
47	Nguyễn Văn Ngọc	39	33	7,5	Bảy rưỡi	
48	Triệu Văn Phong	09-A	63	7,0	Bảy	
49	Triệu Tiến Phúc	40	15	7,5	Bảy rưỡi	
50	Hoàng Đức Quân	41	54	8,0	Tám	
51	Tô Văn Quân	10-A	64	8,0	Tám	
52	Nguyễn Hải Sản	42	29	6,5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm	Bảng chữ	Ghi chú
53	Vi Công Soạn	43	52	6,5	Sáu rưỡi	
54	Nông Văn Tài	11-A	65	7,5	Bảy rưỡi	
55	Lộc Văn Thọ	44	53	7,0	Bảy	
56	Nguyễn Quang Thoan	45	56	8,0	Tám	
57	Nông Văn Thư	46	48	6,5	Sáu rưỡi	
58	Hoàng Văn Thực	47	21	7,0	Bảy	
59	Hoàng Kim Thường	48	25	7,0	Bảy	
60	Đinh Trung Toàn	49	31	7,0	Bảy	
61	Hoàng Văn Trọng	50	07	7,0	Bảy	
62	Phạm Văn Trung	51	59	7,5	Bảy rưỡi	
63	Lý Công Trường	52	51	8,0	Tám	
64	Nguyễn Đình Tuấn	53	41	7,0	Bảy	
65	Nguyễn Quốc Tuấn	54	20	7,0	Bảy	
66	Triệu Anh Tuấn	55	08	7,0	Bảy	
67	Hoàng Anh Tuấn	56	28	7,0	Bảy	
68	Nguyễn Văn Tuấn	57	12	7,0	Bảy	
69	Lê Đình Văn	58	04	8,0	Tám	
70	Trần Đức Việt	59	11	8,0	Tám	
71	Dương Quang Vinh	60	27	7,0	Bảy	



**PHÒNG QLĐT&NCKH
TRƯỞNG PHÒNG**

Nguyễn Thị Hồng Mây

**KHOA XDD
TRƯỞNG KHOA**

Ngô Thị Hồng Nhung

**K/T HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên